

Số: /BC-SYT

Đắk Lắk, ngày

tháng 01 năm 2022

BÁO CÁO NHANH

Tình hình phòng, chống dịch COVID-19

trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ngày 14/01/2022

(Từ 17h00 ngày 13/01/2022 đến 17h00 ngày 14/01/2022)

I. THÔNG TIN TÌNH HÌNH DỊCH

1. Tình hình ca mắc mới trong ngày

TT	Địa phương	Ca mới	Nơi phát hiện					Tích lũy ca mắc	DTTS	Xuất viện	Tử vong
			Cộng đồng	CL tại nhà	Khu cách ly	Khu PT	Sàng lọc				
1	TP.BMT	64	22	6	36	0	0	3808	1371	3526	27
2	H. Lắk	8	0	7	0	1	0	911	766	557	1
3	H. Krông Bông	6	6	0	0	0	0	346	129	256	0
4	H. Krông Buk	0	0	0	0	0	0	1084	930	925	6
5	H. Ea H'Leo	0	0	0	0	0	0	608	110	513	2
6	H. Krông Pắc	0	0	0	0	0	0	618	184	473	5
7	H. Krông Ana	2	2	0	0	0	0	1001	590	762	3
8	H. Cư M'Gar	24	14	10	0	0	0	1418	737	1211	8
9	H. Ea Súp	1	0	1	0	0	0	325	98	158	1
10	H. M'Đrăk	107	23	2	0	81	1	314	189	121	0
11	H. Krông Năng	0	0	0	0	0	0	376	250	318	2
12	H. Ea Kar	0	0	0	0	0	0	615	282	417	0
13	H. Buôn Đôn	0	0	0	0	0	0	240	68	184	0
14	H. Cư Kuin	2	2	0	0	0	0	898	541	804	4
15	TX. Buôn Hồ	0	0	0	0	0	0	1391	615	1213	16
	TỔNG	214	69	26	36	82	1	13953	6560	11438	75

- Trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk tính đến ngày 14/01/2022 ghi nhận **13.953** trường hợp mắc COVID-19, trong đó có **11.438** trường hợp xuất viện, **75** trường hợp tử vong (01 trường hợp tử vong trong ngày), hiện còn điều trị **2.440** trường hợp.

- Tỷ lệ DTTS mắc COVID-19 trên toàn tỉnh chiếm **47,0%** số ca mắc

- Tỷ lệ mắc/100.000 dân trung bình của toàn tỉnh là **746,4/100.000** dân

- Toàn tỉnh có **5.878** tổ COVID cộng đồng đang hoạt động.

- Chi tiết một số chùm ca bệnh (theo phụ lục 1)

2. Tình hình cách ly, phong tỏa

a) Tình hình cách ly tập trung, cách ly tại nhà:

TT	Địa phương	Số trường hợp cách ly tập trung			Số trường hợp cách ly tại nhà		
		Mới	Tích lũy	Còn cách ly*	Mới	Tích lũy	Còn cách ly*
1	Tuyên tỉnh	14	17	16			
2	TP.BMT	17	135	85	131	1483	798
3	TX. Buôn Hồ	0	39	0	73	875	911
4	H. Ea H'Leo	-	16	0	-	411	34
5	H. Krông Năng	0	0	0	12	334	228
6	H. Cư M'Gar	6	83	12	256	1386	675
7	H. M'Đrăk	120	173	8	470	1323	971
8	H. Ea Kar	15	135	104	88	1483	968
9	H. Krông Pắc	-	26	5	-	1612	1612
10	H. Krông Bông	0	54	11	159	2415	1459
11	H. Krông Ana	1	10	0	4	321	242
12	H. Cư Kuin	0	0	0	47	463	268
13	H. Lắk	0	0	0	22	411	237
14	H. Buôn Đôn	2	50	25	32	678	512
15	H. Ea Sup	0	0	0	34	1383	406
16	H. Krông Buk	-	0	0	-	393	236
	TỔNG	175	738	266	1328	14971	9557

* Số đang cách ly tính cả từ năm 2021 chuyển qua

b) Khu vực phong tỏa:

- Số khu vực phong tỏa: 311 khu vực; đã giải tỏa: 291 khu vực
- Còn lại: 20 khu vực đang phong tỏa.

(Cập nhật chi tiết tại đường link <https://docs.google.com/spreadsheets/d/1FToKXiONnwUTEK7VqfBp22Rf71yBI7lxSDYjd2ZWtqo/edit#gid=644602066>)

c) Số lượng công dân từ vùng dịch trở về huyện/TX/TP (từ 01/01/2022)

TT	Địa phương	Số người hôm qua	Số người hôm nay	Cộng dồn
1	TP.BMT	63	55	699
2	TX. Buôn Hồ	54	47	482
3	H. Ea H'Leo	75	-	641
4	H. Krông Năng	7	0	315
5	H. Cư M'Gar	73	38	480
6	H. M'Đrăk	-	80	397
7	H. Ea Kar	136	0	1070
8	H. Krông Pắc	308	-	3474
9	H. Krông Bông	59	53	602
10	H. Krông Ana	0	0	280
11	H. Cư Kuin	9	24	199
12	H. Lắk	12	9	56
13	H. Buôn Đôn	0	0	180
14	H. Ea Sup	64	25	221
15	H. Krông Buk	0	-	8
	TỔNG	860	331	9104

3. Tình hình lấy mẫu xét nghiệm

TT	Địa phương	Test nhanh kháng nguyên				Xét nghiệm RT-PCR				
		Trong ngày		Tổng		Trong ngày		Tổng		Chờ kết quả
		Mới	Dương tính	Cộng dồn	Dương tính	Mới	Dương tính	Cộng dồn	Dương tính	
1	CDC*	83	0	740	0					
2	TP.BMT	243	29	3696	650	0	0	0	0	0
3	TX. Buôn Hồ	21	1	415	43	0	0	0	0	0
4	H. EaH'Leo	-	-	9211	63	0	0	0	0	0
5	H.Krông Năng	51	5	323	18	0	0	0	0	0
6	H. Cư M'Gar	147	13	1523	93	0	0	0	0	0
7	H. M'Đrăk	726	50	2254	98	0	0	0	0	0
8	H. Ea Kar	145	4	2719	198	0	0	0	0	0
9	H. Krông Pắc	-	-	4278	97	0	0	0	0	0
10	H.Krông Bông	336	1	2569	81	0	0	0	0	0
11	H. Krông Ana	60	2	1405	141	0	0	0	0	0
12	H. Cư Kuin	14	2	285	49	0	0	3	2	0
13	H. Lắk	11	3	1100	205	0	0	33	26	0
14	H. Buôn Đôn	121	2	1644	32	0	0	2	1	0
15	H. Ea Sup	1	1	124	124	0	0	37	37	0
16	H. Krông Buk	-	-	377	134	0	0	0	0	0
	TỔNG	1959	113	32663	2026	0	0	75	66	0

4. Hoạt động tiêm vắc xin COVID-19

a) Tổng số vắc xin đã nhận

	Loại vắc xin	Vắc xin nhận	Số mũi tiêm thực hiện	Tỷ lệ (%)
	TỔNG	2.780.588	2.805.977	100,9
1	AstraZeneca	774.950	839.969	108,4
2	Comirnaty	954.078	896.425	94,
3	Moderna	61.320	62.687	102,2
4	Sinopharm	990.240	1.006.896	101,7

b) Kết quả tiêm vắc xin như sau:

TT	Nhóm đối tượng	Số đối tượng	Tích lũy					
			Mũi 1		Mũi 2		Liều bổ sung	Liều nhắc
			Số tiêm	Tỷ lệ (%)	Số tiêm	Tỷ lệ (%)		
1	ĐT 18 tuổi trở lên	1.269.372	1.232.251	97,1	1.171.175	92,3	91.752	61.204
2	ĐT từ 50 tuổi trở lên	361.984	349.070	96,4	332.501	91,9	6.443	10.157
3	ĐT từ 65 tuổi trở lên	103.549	103.549	100,0	94.098	90,9	3.010	3.608
4	PNCT từ 13 tuần tuổi thai	22.934	22.934	100,0	21.476	93,6	163	1.079
5	TE 15-17 tuổi	80.616	77.850	96,6	68.655	85,2		
6	TE 12-14 tuổi	105.348	98.443	93,4	12.131	11,5		

5. Công tác điều trị trong ngày

a) Tình hình biến động bệnh nhân trong ngày: Tổng số bệnh nhân COVID-19: 13.953 trường hợp, có 11.438 trường hợp ra viện, 75 trường hợp tử vong, hiện còn điều trị 2.440 trường hợp.

- Tại các cơ sở thu dung điều trị:

TT	Cơ sở điều trị	Số giường bệnh	Số BN của ngày hôm trước	Số BN ngày hôm nay	Trong đó				
					Mới	Chuyển tuyến trên	Chuyển tuyến dưới	Ra viện	Tử vong
1	BV Dã chiến 01	1000	810	823	66	3	0	50	0
2	BV Dã chiến 02	1500	459	448	29	0	0	40	0
3	TTYT Krông Búk	230	191	192	7	0	0	6	0
4	BV khu vực 333	300	269	280	58	0	0	47	0
5	BV Lao và Bệnh Phổi	100	71	69	6	2	0	6	0
6	BVĐK Vùng TN	92	49	55	8	0	0	1	1
	Tổng	3222	1849	1867	174	5	0	150	1

- Điều trị F0 tại nhà: mới 04 trường hợp, tích lũy 325 trường hợp, 165 trường hợp khỏi bệnh, chuyển tuyến 02 trường hợp, hiện còn điều trị 158 trường hợp.

b) Phân loại tình trạng bệnh nhân

- Phân loại theo mức độ lâm sàng (n=1.867)

TT	Cơ sở điều trị	Không có biểu hiện lâm sàng	Mức độ nhẹ (VĐHH Cấp)	Mức độ vừa (Viêm phổi)	Mức độ nặng (Viêm phổi nặng)	Mức độ nguy kịch				Hội chứng viêm hệ thống liên quan COVID-19 TE
						ARDS	Nhiễm trùng huyết	Sốc nhiễm trùng	Khác	
1	BV Dã chiến 01	414	409	0	0	0	0	0	0	0
2	BV Dã chiến 02	192	256	0	0	0	0	0	0	0
3	TTYT Krông Búk	182	10	0	0	0	0	0	0	0
4	BV khu vực 333	136	143	1	0	0	0	0	0	0
5	BV Lao và Bệnh Phổi	0	0	64	0	0	0	0	0	0
6	BVĐK Vùng TN	5	12	15	0	5	0	0	0	0
	Tổng	929	830	80	0	5	0	0	0	0
	Tỷ lệ %	49.8	44.5	4.3	0.0	0.3	0.0	0.0	0.0	0.0

- Điều trị liên quan đến suy hô hấp (n=1.867)

TT	Cơ sở điều trị	Bình thường	Thở Oxy	HFNC	Thở máy không xâm nhập	Thở máy xâm nhập	ECMO
1	BV Dã chiến 01	823	0	0	0	0	0
2	BV Dã chiến 02	448	0	0	0	0	0
3	TTYT Krông Búk	192	0	0	0	0	0
4	BV khu vực 333	279	1	0	0	0	0
5	BV Lao và Bệnh Phổi	64	5	0	0	0	0
6	BVĐK Vùng TN	22	24	4	0	5	0
	Cộng	1828	30	4	0	5	0
	Tỷ lệ %	97.9	1.6	0.2	0.0	0.3	0.0

II. TÌNH HÌNH ĐIỀU ĐỘNG NHÂN SỰ

- Sở Y tế đang điều **238** nhân lực/ tổng **1.586** lượt điều động để phục vụ cho công tác phòng, chống dịch từ các đơn vị sự nghiệp trực thuộc và huy động giảng viên, sinh viên tình nguyện thuộc các cơ sở đào tạo khối ngành sức khỏe tham gia công tác phòng, chống dịch trên địa bàn (*Chi tiết tại phụ lục 2*).

Trên đây là báo cáo tình hình COVID-19 ngày 14/01/2022 của Sở Y tế./.

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Tỉnh ủy (báo cáo);
- UBND tỉnh (báo cáo);
- BCĐ PCD COVID-19 tỉnh (báo cáo);
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Ban Dân tộc tỉnh;
- Sở Thông tin và truyền thông;
- Giám đốc, các PGĐ Sở Y tế;
- Các tổ chức TMTH-CMNV Sở Y tế;
- Lưu: VT, NVYD.

Nay Phi La

Phụ lục 1: CHI TIẾT CÁC CHÙM CA BỆNH

TT	Chùm ca bệnh	F0
1	Liên quan chùm ca bệnh trong cộng đồng tại thôn Nam Hòa, Xã Dray Bhang, Cư Kuin.	18
2	Liên quan Fo Y Ngheo Mgiao tại buôn Drah 2, Cư Né, Krông Buk	55
3	Liên quan chùm ca bệnh cộng đồng, chưa rõ nguồn lây tại Buôn Mrông A, Mrông B, Mrông C, TDP 3A, 3B, 4- TT Ea Kar	134
4	Chùm ca bệnh tại Buôn Kô Siêr, P. Tân Lập, BMT	3
5	Liên quan chùm ca bệnh tại thôn 1, 2, 3, 7, 9, 11, 12, thôn 8, buôn Hluk, buôn Ciêt - xã Ea Tiêu, Cư Kuin. Lây sang thôn 4, Cư Ebur, BMT	146
6	Liên quan chùm ca bệnh tại thôn 22, 24, thôn 13, Ea Ning, Cư Kuin	14
7	Chùm ca bệnh liên quan BN điều trị nội trú tại BVĐK Vùng Tây Nguyên	61
8	Chùm ca bệnh cộng đồng tại buôn Tuôr A, Tuôr B, buôn Kala, buôn Anna - Xã Dray Sap, Krông Ana	146
9	Liên quan chùm ca bệnh tại 221, 189/1/45 Mai Hắc Đế, Tân Thành, BMT	10
10	Liên quan chùm ca bệnh tại Buôn Dơng Bắ, xã Yang Tao, Lăk. lây qua buôn Yok Đuôn	59
11	Liên quan chùm ca bệnh tại Pai Pi, xã Đăk Nuê, Lăk Fo Y Song Pang Ting. Lây sang buôn Mih, buôn Dham 2, buôn Kdie 1- Đăk Nuê	181
12	Chùm ca bệnh tại Thôn 1, 7,9, 11, thôn 12, Hòa Phú, BMT	34
13	Chùm ca bệnh tại buôn Dham, Xã Ea Bông, Krông Ana	92
14	Liên quan chùm ca bệnh tại Buôn Sut Mdrang, Thôn 2, 3 Cư Suê, Cư M'Gar	41
15	Chùm ca bệnh tại buôn Hwiê, buôn Cư Mblim, buôn Kao, thôn 4, thôn 3, thôn Tân Hưng, Thôn Cao Thắng - xã Ea Kao, BMT	87
16	Chùm ca bệnh tại TDP 1,3,4 ,5,6– TT Buôn Tráp – Krông Ana	44
17	Liên quan đến chùm ca bệnh Buôn Mğăm, buôn Mlóc B, buôn Tai - xã Krông Jing, M'Đrăk	25
18	Chùm ca bệnh tại Buôn Cuế, Xã Băng Adrênh, Krông Ana. Lây sang buôn K62, Băng Adrênh.	72
19	Liên quan chùm ca bệnh tại Buôn Dur Kmal, xã Dur Kmal, Krông Ana.	25
20	Liên quan chùm ca bệnh tại buôn Ea Kruê, Ea Bông, Krông Ana	4
21	Liên quan chùm ca bệnh tại Cư Huê, Ea Kar	34
22	Liên quan chùm ca bệnh tại buôn Suk, buôn Tong Sinh, Xã Ea Đar, Ea Kar	16
23	Liên quan chùm xã Hòa Tân, Huyện Krông Bông, Đăk Lăk	30
24	Liên quan chùm ca bệnh tại buôn Ga, Xã Ea Kmút, Ea Kar	30
25	Liên quan chùm ca bệnh tại buôn Mùi 2, Mùi 3- Cư Né, Krông Búk	54
26	Liên quan chùm ca bệnh thôn Đăk Rmút, Xã Krông Nô. Lăk	16
27	Liên quan chùm ca bệnh tại buôn Yol, Đăk Nuê, Lăk	52
28	Chùm ca bệnh tại thôn Quỳnh Tân 2, Quỳnh Tân 3, TT Buôn Tráp, Krông Ana	19
29	Liên quan chùm ca bệnh tại TDP2, TDP3, TDP5, TDP 7, TDP 9, Phường Tân Hòa, BMT	24
30	Chùm ca bệnh tại thôn 13, 14, Ea Tút, xã Pong Drang, Krông Buk	26
31	Chùm ca bệnh tại buôn Yon, Xã Bông Krang, Huyện Lăk	6
32	Chùm ca bệnh tại Cư Mlan, Ea Súp lây sang buôn Păn Lăm, P Tân Lập, BMT	22
33	Chùm ca bệnh tại chợ TT Ea Súp, Ea Súp	72
34	Chùm ca bệnh tại buôn Yông Hắt, Krông Nô, Lăk	201

TT	Chùm ca bệnh	F0
35	Liên quan chùm ca bệnh tại KCN Hòa Phú, BMT	12
36	Liên quan chùm ca bệnh tại Buôn Yông B, Ea Đrong, Cư M'Gar	5
37	Liên quan chùm ca bệnh tại TT Krông Kmar, Krông Bông	7
38	Chùm ca bệnh tại buôn Hma, Ea Bông, Krông Ana	7
39	Liên quan chùm ca bệnh tại thôn Ea Pông, xã Ea Sin, Krông Buk	51
40	Liên quan chùm ca bệnh tại Ea Ktur, Cư Kuin	16
41	Liên quan chùm ca bệnh tại Ea Mao, Ea Yiêng, Krông Pắc	27
42	Liên quan chùm ca bệnh tại Cai A, Trang Yôk – Krông Nô, Lắk	10
43	Liên quan chùm ca bệnh tại thôn 1, thôn 4 – Cư Ebur - BMT	67
44	Liên quan chùm ca bệnh tại Buôn Xê Đăng, xã Ea Sar, huyện Ea Kar	97
45	Liên quan chùm ca bệnh tại Xã Quảng Hiệp, Quảng Tiến, Cư M'Gar	35
46	Liên quan chùm ca bệnh tại 116/3/20 Y Moal, Phường Tân Lợi, BMT	15
47	Liên quan chùm ca bệnh tại buôn Ea Dho, xã Cư Pong, Krông Buk	37
48	Liên quan chùm ca bệnh tại xã Ea Trang, M'Đrăk	112
49	Liên quan chùm ca bệnh Cư Pui, Krông Bông	19
50	Liên quan chùm ca bệnh tại buôn Mblót, xã Ea Bông, Krông Ana	8
51	Liên quan chùm ca bệnh buôn Kroa B, Cuôr Đăng, Cư M'Gar	6
52	Liên quan chùm ca bệnh tại TT Quảng Tiến, Cư M'Gar	14
53	Liên quan chùm ca bệnh tại thôn 3 – Ea Pil – M'Đrăk	22

Phụ lục 2: TÌNH HÌNH ĐIỀU ĐỘNG NHÂN SỰ

1) Các đơn vị đã tiếp nhận nhân lực điều động:

TT	Đơn vị tiếp nhận	Chủng loại									Tổng số đang điều động	Tổng số lượt điều động
		Bác sĩ	ĐD/NHS/YS	Kỹ thuật viên	Dược sĩ	Hộ lý	Lái xe	Giảng viên. sinh viên	Tình nguyện viên	Nhân lực khác		
1	Bệnh viện Lao và Bệnh phổi	2	0								2	24
2	Bệnh viện Đa khoa vùng Tây Nguyên	0	0						11	0	11	20
3	Bệnh viện Dã chiến số 01 tỉnh Đắk Lắk	16	33	3	6	4	2		10	11	85	237
4	Bệnh viện Dã chiến số 02 tỉnh Đắk Lắk	13	25	2	2	3			8	6	59	71
5	Bệnh viện Dã chiến số 03 tỉnh Đắk Lắk											58
6	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh			0				5			5	36
7	Trung tâm Y tế thành phố Buôn Ma Thuột						2	10	17		29	618
8	Thành phố Hồ Chí Minh	0	0				0				0	14
9	Trung tâm Y tế thị xã Buôn Hồ	2	0	0	0			0		0	2	202
10	Trung tâm Y tế huyện Krông Búk	3	8	8				0	6		25	75
11	Khu cách ly Ký túc xá Trường ĐH Tây Nguyên	4	5				1				10	44
12	KCL Trường CĐ Công nghệ TN	4	6								10	10
13	Khu cách ly Trường Chính trị										0	21
14	Khu cách ly Dây nhà bồi dưỡng kiến thức quốc phòng an ninh đối tượng 3		0							0	0	2
15	Khu cách ly Trường Cao đẳng Y tế Đắk Lắk										0	8
16	KCL Phân hiệu Trường ĐH Luật Hà Nội tại Đắk Lắk										0	8
17	Viện Vệ sinh dịch tễ Tây Nguyên							0			0	28
18	Trường THPT DTNT N'Trang Long							0			0	70
19	Trường THCS Hòa Phú		0	0							0	40
TỔNG CỘNG		44	77	13	8	7	5	15	52	17	238	1586

2) Nhân lực tham gia điều động

TT	Đơn vị	Chủng loại									Tổng số đang điều động	Tổng số lượt điều động
		Bác sĩ	ĐD/ Nữ hộ sinh/Y sĩ	KTV	Dược sĩ	Hộ lý	Lái xe	Giảng viên. sinh viên	Tình nguyện viên	Nhân lực khác		
1	Y tế công lập	39	73	13	9	7	3	0	0	13	157	754
1.1	Sở Y tế	1									1	1
1.2	BVĐK vùng Tây Nguyên	5	1	1	3	1	0			0	11	82
1.3	BVĐKTP.Buôn Ma Thuột	9	14	1	0	0	1			5	30	86
1.4	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh	6	1	8						1	16	41
1.5	Trung tâm Y tế Buôn Đôn	1	2				0				3	25
1.6	Bệnh viện Y HCT		2		0	1				0	3	82
1.7	Trung tâm Y tế Cư M'gar	0	5	0							5	58
1.8	TT Kiểm nghiệm thuốc. mỹ phẩm. thực phẩm			0	3						3	9
1.9	TTYT huyện Ea Súp	0	0								0	8
1.10	TTYT huyện Lắk	3	5								8	18
1.11	TTYT huyện Krông Pắc	0	2								2	9
1.12	TTYT huyện Ea Kar	0	0	0							0	17
1.13	TTYT huyện Krông Búk						0				0	1
1.14	Trung tâm Da liễu						1				1	11
1.15	Bệnh viện Mắt Đắk Lắk		0								0	24
1.16	Bệnh viện Tâm thần	0	3			1					4	15
1.17	TTYT huyện Ea H'leo	1	2	0						0	3	46
1.18	TTYT huyện Krông Năng	0	2	0	0					0	2	28
1.19	TTYT huyện Krông Bông	3	5			1					9	23
1.20	TTYT huyện M'Drăk		3	1							4	8
1.21	TTYT huyện Krông Ana		0								0	2
1.22	BVĐK thị xã Buôn Hồ	2	4	0	0					0	6	33
1.23	TTYT huyện Cư Kuin	8	16	2	3	3	1			7	40	47
1.24	TTYT TP Buôn Ma Thuột		6					0		0	6	80
2	Bệnh viện tư nhân	2	0	0	0	0	0	0	0	0	2	22
2.1	BVĐK Thiện Hạnh	0									0	11
2.2	BV Nhi Đức Tâm	2									2	2
2.3	BVĐK Hòa Bình	0	0		0						0	9
3	Y tế tư nhân (Phòng khám đa khoa. Phòng khám chuyên khoa....)										0	0
4	Cán bộ y tế hưu trí										0	0
5	Trường ĐH. CĐ	0	0	0	0	0	0	15	0	0	15	696
5.1	Trường ĐH BMT										0	283
5.2	Trường ĐH Tây Nguyên							15			15	345
5.3	Trường Cao đẳng Y tế							0			0	68
6	Bệnh viện Bạch Mai	0	0							0	0	9
7	Sở Y tế TP Hồ Chí Minh						0				0	2
8	Tình nguyện viên								64		64	103
TỔNG CỘNG		41	73	13	9	7	3	15	64	13	238	1586